TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** TỈNH NGHỆ AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10 – 3 – 2025
"V/v ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Đương.
- Ông Hoàng Văn Hào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 316/2024/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Bích H. Sinh năm 199x. Địa chỉ xóm X, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ. Sinh năm 199x. Địa chỉ xóm X, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị Bích H trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị Bích H làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/02/202x. Vợ chồng sống ly thân cách đây vài tháng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Nguyễn Văn Đ hay uống rượu bia say về đánh đập bà Lê Thị Bích H. Đến nay bà Lê Thị Bích H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Lê Thị Bích H được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị Bích H có 02 (Hai) người con chung là Nguyễn Văn Gia B – sinh ngày 23/3/202x, Nguyễn Văn Y – sinh ngày 25/9/202x. Hiện nay bà Lê Thị Bích H không mang thai. Ly hôn thì bà Lê Thị Bích H đề nghị giao cho bà Lê Thị Bích H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn Y; đề nghị

giao cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn Gia B.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Bích H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ trình bày như sau: Ông Nguyễn Văn Đ đồng ý với ý kiến trình bày của bà Lê Thị Bích H về thời gian đăng ký kết hôn và con chung. Về nguyên nhân mẫu thuẫn vợ chồng là do điều kiện kinh tế khó khăn. Ông Nguyễn Văn Đ thấy tình cảm vợ chồng đang còn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm lo cho cuộc sống gia đình và chăm sóc các con. Vì vậy ông Nguyễn Văn Đ không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích H.

- Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho bà Lê Thị Bích H được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ thì ông Nguyễn Văn Đ đề nghị Tòa án giao 02 (Hai) con chung là Nguyễn Văn Gia Bảo – sinh ngày 23/3/202x, Nguyễn Văn Yên – sinh ngày 25/9/202x cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Nếu Tòa án giao cho mỗi người được nuôi 01 (Một) con chung thì ông Nguyễn Văn Đ đề nghị giao cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn Gia Bảo và đề nghị giao cho bà Lê Thị Bích H được quyền chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn Yên.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nếu Tòa án giao cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền chăm sóc nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung là Nguyễn Văn Gia Bảo, Nguyễn Văn Yên thì ông Nguyễn Văn Đ không đề nghị Tòa án buộc bà Lê Thị Bích H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn.

Tại phần tranh luận: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An sau khi nhận xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phân tích nội dung vụ án; đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Bích H được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Văn Y, sinh ngày 25/9/202x cho bà Lê Thị Bích H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 23/3/202x cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc bà Lê Thị Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm X, xã TS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Bà Lê Thị Bích H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con với ông Nguyễn Văn Đ, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 (Hai) nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã có ý kiến trình bày về các vấn đề liên quan trong vụ án. Xét việc vắng mặt của bị đơn tại phiên toà không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ ý kiến trình bày của Ủy ban nhân dân xã TS tại Biên bản xác minh ngày 05/02/2025 và ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định bà Lê Thị Bích H và ông Nguyễn Văn Đ làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/02/202x; việc kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc, do đó hôn nhân giữa bà Lê Thị Bích H và ông Nguyễn Văn Đ là hợp pháp. Bà Lê Thị Bích H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với ông Nguyễn Văn Đ nên cần được xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong vụ án này, ông Nguyễn Văn Đ cho rằng tình cảm vợ chồng đang còn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm lo cuộc sống gia đình và chăm sóc các con nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã nhiều lần hòa giải nhưng bà Lê Thị Bích H vẫn kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn điều đó cho thấy bà Lê Thị Bích H đã không còn có tình cảm vợ chồng với ông Nguyễn Văn Đ. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích H và giải quyết cho bà Lê Thị Bích H được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ.

[4] Về con chung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định trong thời kỳ hôn nhân bà Lê Thị Bích H và ông Nguyễn Văn Đ có 02 (Hai) con chung là

Nguyễn Văn Gia B - sinh ngày 23/3/202x, Nguyễn Văn Y - sinh ngày 25/9/202x.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Bích H đề nghị giao cho mỗi người nuôi 01 (Một) con chung; ông Nguyễn Văn Đ đề nghị giao 02 (Hai) con chung cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền chăm sóc nuôi dưỡng: Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị Bích H đều có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng con chung là chính đáng nên cần giao cho mỗi người được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng 01 (Một) con chung, cụ thể là giao cho bà Lê Thị Bích H được quyền chăm sóc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Nguyễn Văn Y – sinh ngày 25/9/202x; giao cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Nguyễn Văn Gia B – sinh ngày 23/3/202x.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị Bích H – mỗi người được giao chăm sóc, nuôi dưỡng 01 (Một) con chung nên không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Bích H được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Bích H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Nguyễn Văn Y – sinh ngày 25/9/202x cho đến khi đủ 18 tuổi.

Giao cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Nguyễn Văn Gia Bảo – sinh ngày 23/3/2021 cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Lê Thị Bích H đã nạp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013662 ngày 11/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã TS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Hà